

THỰC TRẠNG HỨNG THÚ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH VỚI MÔN HỌC CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Dương Thị Hòa*; Nguyễn Thị Lan Anh**

Tóm tắt:

Thông qua phỏng vấn, tọa đàm với giáo viên và sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về mức độ hứng thú của sinh viên với môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam (CSVHVN), bài báo tập trung đánh giá thực trạng và nguyên nhân hạn chế hứng thú của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong quá trình học môn học.

Từ khóa: Hứng thú học tập, Cơ sở văn hóa Việt Nam, nguyên nhân hạn chế, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

REALITY OF PASSION FOR VIETNAM CULTURAL BASIS SUBJECT OF STUDENTS AT BAC NINH SPORT UNIVERSITY

Summary:

By the methods of interviewing, discussion with teachers and students at Bac Ninh University of Sports on the passion degree of students for the Vietnam Cultural Basis subjects, the article focuses on making assessment of the reality and cause which limit the passion of students at Bac Ninh University of Sports during the lesson.

Keyword: Passion on study, Vietnam Cultural Basis, cause, Bac Ninh Sport University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam được đưa vào giảng dạy tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh từ năm 2006 đến nay. Đây là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu biết một nền văn hóa, giúp người học nắm được các đặc trưng cơ bản cùng các qui luật hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Nội dung môn học gồm kiến thức về văn học, lịch sử, địa lý, thậm chí cả những thói quen, tập quán, kinh nghiệm lao động sản xuất trong cuộc sống nên việc sinh viên lơ là, thậm chí không tập trung là khó tránh khỏi. Cùng với những nhận xét của giáo viên giảng dạy và kết quả thi kết thúc môn học chưa cao đã đặt ra vấn đề là làm thế nào để sinh viên Đại học TDTT Bắc Ninh có hứng thú hơn nữa với môn học, đề tài nghiên cứu đánh giá thực trạng và nguyên nhân hạn chế hứng thú của sinh viên với môn học CSVHVN.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phương

pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Khái quát môn Cơ sở văn hóa Việt Nam tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Môn học gồm 4 nội dung chính: Các khái niệm cơ bản về văn hoá, một số thành tố văn hoá Việt Nam, khái quát về không gian văn hoá Việt Nam, khái quát về lịch sử văn hoá Việt Nam. Mục tiêu chính của môn học là giúp sinh viên nhận thức đúng về hệ thống các giá trị vật chất và giá trị tinh thần của người Việt Nam hay còn gọi là bản sắc văn hoá dân tộc, qua đó giúp sinh viên có cách nhìn nhận đúng đắn và ứng xử tế nhị với văn hoá, góp phần gìn giữ và phát triển nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Môn học được phân phối giảng dạy trong 30 tiết với hình thức thi kết thúc môn là viết tiểu luận.

2. Thực trạng hứng thú học tập của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Với mục đích đánh giá thực trạng hứng thú của đối tượng nghiên cứu, đề tài tiến hành phỏng vấn trên 34 giáo viên, các chuyên gia và

*ThS, Bộ môn Lý luận đại cương, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**ThS, Viện khoa học và Công nghệ TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

324 sinh viên khóa đại học 48 Khoa Giáo dục thể chất (đối tượng đã học xong môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam).

2.1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá

Để đánh giá được mức độ hứng thú của đối tượng khảo sát, trước hết đề tài tiến hành xác định những tiêu chí đánh giá mức độ hứng thú

học tập của sinh viên. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 34 chuyên gia, các giảng viên tham gia giảng dạy tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về những tiêu chí phản ánh thái độ tự giác, sự hứng thú học tập của sinh viên. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn xác định tiêu chí đánh giá thái độ hứng thú học tập của sinh viên (n=34)

TT	Những biểu hiện của hứng thú học tập	Số người đồng ý	Tỷ lệ %
1	Trong lớp chú ý nghe giảng	34	100
2	Ghi chép bài đầy đủ	30	88.2
3	Không làm việc riêng trong giờ học	31	91.1
4	Hăng hái phát biểu ý kiến	30	88.2
5	Chủ động hỏi giáo viên những vấn đề chưa hiểu	30	88.2
6	Trao đổi với bạn bè nội dung liên quan đến bài học	25	73.5
7	Thường xuyên học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp	30	88.2
8	Đọc các tài liệu liên quan đến môn học	34	100

Kết quả bảng 1 cho thấy, cả 8 tiêu chí mà do chúng tôi đề xuất đưa vào phỏng vấn đều được các nhà khoa học, các giảng viên đồng ý với tỷ lệ trên 70%. Đây là các tiêu chí sẽ sử dụng để đánh giá mức độ hứng thú học tập của sinh viên.

Nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu, từ kết quả thu được chúng tôi đã xác định lại, trong 8 tiêu chí đã lựa chọn thì chỉ có 5 tiêu chí (1,2,4,5,7) biểu hiện ý thức trong học tập của sinh viên mà giáo viên giảng dạy trên lớp có thể đánh giá được chính xác, 3 tiêu chí còn lại (3,6,8) chỉ nên dành cho sinh viên tự đánh giá sẽ khách quan hơn. Vì vậy,

khi phỏng vấn đối với giảng viên chúng tôi chỉ sử dụng 5/8 tiêu chí đã lựa chọn.

Đối với sinh viên, để điều tra thực trạng mức độ hứng thú học tập, cũng trên cơ sở của 8 tiêu chí được lựa chọn chúng tôi đã xây dựng bảng hỏi với 11 câu trắc nghiệm khách quan theo 3 mức độ khác nhau để tiến hành phỏng vấn.

2.2. Kết quả đánh giá thực trạng mức độ hứng thú của sinh viên

Theo 5 tiêu chí đã lựa chọn chúng tôi tiến hành phỏng vấn cả 4 giáo viên đã tham gia giảng dạy môn học CSVHVN. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của GV giảng dạy về hứng thú trong học tập môn CSVHVN của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=4)

TT	Các biểu hiện	GV (n=4)	Tỷ lệ (%)
1	Trong giờ học SV có chú ý nghe giảng không?	1	25
2	SV có chủ động hỏi thầy cô những vấn đề chưa hiểu không?	2	50
3	SV có thường xuyên phát biểu ý kiến không?	3	75
4	SV có ghi chép bài đầy đủ không?	1	25
5	Thường xuyên học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp?	0	100

Qua bảng 2 cho thấy: Có 75% giáo viên cho rằng sinh viên tích cực phát biểu ý kiến; 01 giáo viên (25%) cho rằng sinh viên tự giác tích cực học tập, chú ý nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ; 2 giáo viên cho rằng sinh viên có chủ động hỏi

thầy cô những vấn đề chưa hiểu, chiếm 50%; đặc biệt 100% giáo viên đều cho rằng các em không thường xuyên học bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp. Kết quả này cho thấy sinh viên chưa thật sự hứng thú đối với môn học.

Để khách quan hơn, chúng tôi tiếp tục phỏng vấn 25 giáo viên giảng dạy các môn lý thuyết về biểu hiện của sinh viên trong giờ học.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy một thực trạng tương tự. Phần lớn giáo viên có nhận định rằng trong lớp các em đã chú ý nghe giảng (56%) và ghi chép bài đầy đủ (68%). Tuy nhiên các giáo viên đều cho rằng sinh viên chưa tích cực học tập, biểu hiện là chỉ có một số ít sinh viên thường xuyên phát biểu ý kiến (20%) và chủ động hỏi giáo viên về những vấn đề chưa hiểu (8%). Điều này cho thấy, sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh không chỉ không hứng thú học tập môn CSVHVN mà ở các môn học lý thuyết khác họ cũng chưa có những biểu hiện hứng thú học tập. Đó chính là thực trạng chung, đòi hỏi cần có

những giải pháp nâng cao thái độ hứng thú của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đối với các môn học lý thuyết nói chung.

Để điều tra thực trạng hứng thú học tập môn CSVHVN của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, chúng tôi phỏng vấn bằng phiếu hỏi 342 sinh viên Khoa Giáo dục thể chất, khoá đại học 48 (đối tượng đã học xong môn học). Trên cơ sở 8 tiêu chí đã lựa chọn, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn với 11 câu trắc nghiệm khách quan theo 3 mức độ khác nhau về thái độ và biểu hiện của các em trong giờ học chính khoá và trong quá trình tự học. Kết quả phỏng vấn (số phiếu phát ra là 324, số phiếu thu về là 320) được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Biểu hiện hứng thú của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong giờ học chính khoá và trong quá trình tự học môn CSVHVN (n=320)

TT	Câu hỏi	Trả lời	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trong giờ học môn CSVHVN em có chú ý nghe giảng không?	Thường xuyên	258	80,0
		Thỉnh thoảng	62	20,0
		Không bao giờ	0	0
2	Em có chủ động hỏi thầy cô những vấn đề chưa hiểu không?	Thường xuyên	18	5,6
		Thỉnh thoảng	42	13,0
		Không bao giờ	260	81,4
3	Em có phát biểu ý kiến không?	Thường xuyên	40	12,4
		Thỉnh thoảng	89	28,0
		Không bao giờ	191	59,6
4	Em có ghi chép bài đầy đủ không?	Thường xuyên	285	88,3
		Thỉnh thoảng	25	8,6
		Không bao giờ	10	3,1
5	Em có hay làm việc riêng trong giờ học không?	Thường xuyên	36	11,2
		Thỉnh thoảng	40	12,4
		Không bao giờ	244	75,6
6	Em có tham gia tranh luận với các bạn về nội dung liên quan đến bài học không?	Thường xuyên	8	2,5
		Thỉnh thoảng	8	2,5
		Không bao giờ	304	95,0
7	Em có ôn bài sau khi đi học về không?	Thường xuyên	50	16,0
		Thỉnh thoảng	63	19,7
		Không bao giờ	207	64,3
8	Em có học bài trước khi lên lớp Không?	Thường xuyên	30	9,3
		Thỉnh thoảng	50	16,0
		Không bao giờ	240	74,7
9	Em thường học môn này vào thời điểm nào?	Trong ngày, sau khi học trên lớp về	22	6,8
		Trước khi thi	242	75,0
		Vào thời điểm khác	8	3,2
10	Em có tham khảo tài liệu khác để bổ sung kiến thức môn học không?	Thường xuyên	0	0
		Thỉnh thoảng	0	0
		Không bao giờ	320	100
11	So với các môn học lý thuyết khác, em đầu tư vào môn học như thế nào?	Nhiều hơn	37	11,5
		Ít hơn	31	9,6
		Bằng nhau	252	78,9

Kết quả phỏng vấn sinh viên cũng cho thấy một thực trạng tương tự như nhận xét của các giáo viên, thể hiện chung ở sự thiếu hứng thú đối với môn học CSVHVN.

3. Thực trạng nguyên nhân hạn chế sự hứng thú trong học tập môn CSVHVN

Bảng 4. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng ít hứng thú trong học tập môn CSVHVN của sinh viên Trường Đại học TDT Bắc Ninh (n=320)

TT	Nguyên nhân	Ý kiến tán thành		Ý kiến không tán thành	
		m _i	%	m _i	%
1	Không tin vào bản thân do học kém	170	52,70	150	47,30
2	Bận các công việc khác	50	15,50	270	84,50
3	Chất lượng giáo viên giảng dạy thấp	36	11,16	284	88,84
4	Mệt mỏi, buồn ngủ khi học	247	76,57	73	23,43
5	Nghiện game, internet, quán xá	185	57,81	135	42,19
6	Thờ ơ với môn học	176	55	144	45,0
7	Thói quen vận động lười ỉn	236	73,75	84	26,25
8	Không nhận thức được ý nghĩa, vị trí của môn học	57	17,81	263	73,75
9	Không có nhu cầu hiểu sâu kiến thức	69	21,56	251	78,44
10	Không có thói quen đọc sách	273	85,31	47	14,69
11	Không có phong trào học tập	252	78,75	68	21,25
12	Không bị sức ép phải học	87	27,19	233	72,81
13	Không có tài liệu học tập	27	8,44	293	91,56
14	Không có địa điểm học tập thuận lợi	186	58,12	134	41,88
15	Không có phương pháp học	198	61,88	122	38,12
16	Yêu cầu của giáo viên quá thấp	45	14,06	275	85,94
17	Yêu cầu của giáo viên quá cao	148	46,25	172	53,75

Qua bảng 4 cho thấy: Trong các nguyên nhân đưa ra phỏng vấn thì có 9 nguyên nhân (1,4,5,6,7,10,11,14,15) được coi là những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng sinh viên ít hứng thú với học tập môn CSVHVN tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (có kết quả

Để tìm hiểu các nguyên nhân chính của hiện trạng trên, đề tài đã tiến hành phỏng vấn 324 sinh viên khoa GDTC khóa đại học 48 và kết quả thu được trình bày ở bảng 4 (Phiếu phát đi là 324, phiếu thu về là 320)

phỏng vấn từ 50% số ý kiến tán thành trở lên).

Để thấy rõ ảnh hưởng của hứng thú đến kết quả học tập chúng tôi tiến hành đánh giá kết quả học tập thông qua điểm môn CSVHVN của sinh viên đại học K48 ngành GDTC đã học. Kết quả điều tra được trình bày ở bảng 5.



Mức độ hứng thú trong học tập môn CSVHVN của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh không cao đã dẫn đến kết quả học tập môn học còn thấp (Ảnh minh họa)

Bảng 5. Kết quả thi lần 1 môn CSVHVN của sinh viên khoá 48 Khoa GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, năm học 2014-2015 (n=310)

Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		KĐĐK	
9-10	%	8	%	7	%	5-6	%	3-4	%	1-2	%		%
5	1,61	20	6,45	64	20,64	176	56,76	29	9,35	0	0	16	5,16

Từ kết quả thu được ở trên cho thấy kết quả học tập môn CSVHVN của sinh viên Đại học TDTT Bắc Ninh là chưa cao, số sinh viên đạt điểm xuất sắc và giỏi là 8,06%; Số sinh viên đạt loại khá chiếm 20,64%; Tỷ lệ học sinh đạt điểm trung bình là hầu hết, chiếm 56,76%; Số sinh viên thi không qua lần 1 là 29, chiếm 9,35% và không đủ điều kiện thi là 16, chiếm 5,16%.

KẾT LUẬN

Kết quả điều tra thực trạng cho thấy mức độ hứng thú trong học tập môn CSVHVN của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh không cao đã dẫn đến kết quả học tập môn học còn thấp.

Kết quả điều tra cũng cho thấy có 9 nguyên nhân chính dẫn đến sự hạn chế tính hứng thú trong học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Khánh Bằng (2001), *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở đại học*, ĐH Sư Phạm, Hà Nội.

2. Phạm Đình Bầm (2003), “Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp giảng dạy Đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐH TDTT Bắc Ninh”, *Kỷ yếu nghiên cứu khoa học TDTT*, Trường ĐH TDTT I.

3. Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thủy (1991), *Tâm lý học*, Bộ GD và ĐT, Nxb Giáo dục.

4. Nguyễn Kỳ (1996), *Mô hình dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm*, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 27/5/2016, Phản biện ngày 30/5/2016, duyệt in ngày 5/6/2016)